TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2025/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 30 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ VIỆC XÉT ĐƠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-T

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 188/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995

ĐKTT: Ấp I, xã C, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Tạ Vũ L, sinh năm 1990

ĐKTT: ấp Đ, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Xét thấy: Ngày 30/10/2025 người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Thu H và ông Tạ Vũ L nộp đơn xin rút toàn bộ đơn yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 366 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc rút đơn yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 366, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự thụ lý số 188/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Điều 2. Về lệ phí Tòa án: Sung vào công quỹ nhà nước 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009719 do ông Tạ Vũ L nộp ngày 28/10/2025 và 150.000 đồng tiền tạm tứng ứng lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009716 do bà Nguyễn Thị Thu H nộp ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Tạ Vũ L có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 07 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định.

Nơi nhận: - Đương sự; - VKS ND khu vực 6-Tây Ninh; - Lưu hồ sơ vụ án.	**THẨM PHÁN** **Ngô Thị Thùy Diễm**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví

dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).